TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÝ SƠN** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST
Ngày 26/8/2019
V/v " Không công nhận vợ chồng, tranh chấp về nuôi con chung và chia tài sản chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Thế Mỹ;
2. Bà Võ Thị Phi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Duy Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Như Ý – Kiểm sát viên.

Ngày 26/8/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lý Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 09/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 03 năm 2019 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung và chia tài sản chung khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 18/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2019/QĐST-HNGĐ ngày 8/8/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Văn C, sinh năm: 1977 .

Địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1982

Địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Agribank) Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật ông Trịnh Ngọc Khánh- Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Địa chỉ: Số 21 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Phú Tài – Giám đốc Chi nhánh Agribank huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi *(theo Quyết định ủy quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014).*

Người nhận ủy quyền lại tham gia tố tụng: Ông Hoàng Tiến Lệnh – Phó Giám đốc Chi nhánh Agribank huyện Lý Sơn *(theo Quyết định ủy quyền số 15/QĐ-NHNo.QNG-LS ngày 10/03/2019).*

Địa chỉ: thôn Đông, xã An Vĩnh, huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH)Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Thắng – Tổng Giám đốc.
Địa chỉ: Tòa nhà 5C, khu bán đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn Nam – Phó Giám đốc phụ trách Phòng giao dịch NHCSXH huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi *(Theo Quyết định ủy quyền số 4176/QĐ-NHCS ngày 25/11/2016).*

Địa chỉ: thôn Đông, xã An Vĩnh, huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Quảng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 11/3/2019, qua bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lê Văn C trình bày:

Giữa anh C và chị Nguyễn Thị Đ có tìm hiểu nhau và hai bên tự nguyện về sống chung với nhau từ năm 2003, nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc và có 03 người con chung, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn với lý do hai bên có nhiều quan điểm bất đồng, không đồng cảm với nhau nên thường hay cãi vả nhau và xúc phạm nhau làm gia đình mất hạnh phúc. Mặc dù hai bên nhiều lần hàn gắn nhưng không thành, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Từ đó, chị Đ bỏ nhà đi từ đầu năm 2016 đến nay và không quan tâm đến nhau nữa, Do đó, nay anh C xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục được nữa, anh Lê Văn C yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh C và chị Nguyễn Thị Đ.

Về con chung: Có 3 con chung là Lê Thị Tuyết N, sinh ngày 22/8/2004; Lê Văn L, sinh ngày 04/6/2006 và Lê Thị Tuyết M, sinh ngày 11/11/2007 hiện các con đang ở cùng với anh C, anh C yêu cầu được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con, không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Trong đơn khởi kiện nguyên đơn anh C yêu cầu chia tài sản chung là một thửa đất số 277, tờ bản đồ số 9, diện tích 103,4m^2 và ngôi nhà

trên đất ở thôn T, xã A, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi. Nhưng trong quá trình giải quyết ngày 29/5/2019 anh C có đơn xin rút phần yêu cầu chia tài sản chung để hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng anh C, chị Đ có vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Chi nhánh huyện Lý Sơn) số tiền gốc là: 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) nhưng đã trả 20.000.000đ còn lại 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng) và lãi phát sinh; vay của Ngân hàng Chính sách xã hội (CSXH) Việt Nam (Phòng giao dịch huyện Lý Sơn) số tiền là 12.000.000đ, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị Đ đã trả xong. Hai bên thỏa thuận anh C tự nguyện chịu trách nhiệm trả nợ vay cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam số tiền gốc 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng) và lãi, Ngân hàng đồng ý và đã rút đơn yêu cầu. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn chị Nguyễn Thị Đ trình bày:

Chị Đ thống nhất với trình bày của anh C về tình trạng hôn nhân, con chung và tài sản chung. Theo chị Đ cuộc sống chung của vợ chồng có nhiều điểm bất đồng thường xuyên xãy ra mâu thuẩn, không thể tiếp tục sống chung với nhau nên chị Đ bỏ nhà ra đi từ năm 2016 đến nay, không ai quan tâm ai, nay anh C yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đ và anh C, chị Đ đồng ý.

Về con chung: Có 3 con chung là Lê Thị Tuyết N, sinh ngày 22/8/2004; Lê Văn L, sinh ngày 04/6/2006 và Lê Thị Tuyết M, sinh ngày 11/11/2007 hiện các con đang ở cùng với anh C, Nếu chị và anh C không sống chung với nhau, chị Đ đồng ý theo nguyện vọng của các con là đồng ý giao các con cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và chị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Theo như lời trình bày của anh C, nhưng hai bên thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Có vay Ngân hàng Ngông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Chi nhánh huyện Lý Sơn) tiền gốc còn lại 80.000.000đ và tiền lãi, hai bên thỏa thuận để anh C chịu trách nhiệm trả nợ trên, Ngân hàng đã đồng ý và rút đơn yêu cầu. Còn khoản nợ vay của Ngân hàng CSXH Việt Nam (Phòng giao dịch huyện Lý Sơn) 12.000.000đ, chị Đ đã trả xong, Ngân hàng rút đơn yêu cầu.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, người đại diện ông Hoàng Tiến Lệnh trình bày: Anh C và chị Đ có vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Chi nhánh Lý Sơn) theo hợp đồng số NI0322212 với số tiền gốc là 100.000.000đ. Anh C đã nhiều lần trả nợ gốc và lãi

hàng tháng, đến ngày 21/6/2019 anh C, chị Đ còn nợ lại Ngân hàng số tiền gốc là 80.000.000đ, tiền lãi 153.425đ. Do vợ chồng anh C, chị Đ ly hôn nên Ngân hàng yêu cầu anh C và chị Đ có trách nhiệm trả gốc 80.000.000đ, tiền lãi đến ngày 21/6/2019 là 153.425đ và tiếp tục trả lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ. Đến ngày 21/6/2019 tại phiên hòa giải anh C và chị Đ thỏa thuận để anh C tự nguyện chịu trách nhiệm trả nợ gốc và lãi nêu trên cho Ngân hàng và Ngân hàng đồng ý để anh C tiếp tục trả nợ, đến ngày 7/8/2019 Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với anh C và chị Đ. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Ngân hàng CSXH Việt Nam, người đại diện ông Trần Văn Nam trình bày: Ngày 10 tháng 8 năm 2014 anh Lê Văn C và chị Nguyễn Thị Đ có vay tại Ngân hàng số tiền là: 12.000.000đ, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị Đ đã trả hết nợ cho Ngân hàng và Ngân hàng đã rút yêu cầu khởi kiện ngày 07/7/2019. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 21/6/2019, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất được các vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh C và chị Đ.

Về con chung: Có 3 con chung là Lê Thị Tuyết N, sinh ngày 22/8/2004; Lê Văn L, sinh ngày 04/6/2006 và Lê Thị Tuyết M, sinh ngày 11/11/2007 hiện các con đang ở cùng với anh C, hai bên thống nhất giao các con N, L và M cho anh Lê Văn C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Có một thửa đất số 277, tờ bản đồ số 9, diện tích 103,4m^2 và ngôi nhà trên đất ở thôn Tây, xã An Vĩnh, huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. Ngày 29/5/2019 anh C đã có đơn xin rút phần yêu cầu chia tài sản chung. Hai bên tự thỏa thuận thống nhất giao nhà và đất cho anh C và các con ở, không yêu cầu Tòa án giải quyết,

Chi phí xem xét thẩm định tại chổ và Thẩm định giá tài sản đang tranh chấp anh C tự nguyện chịu.

Về nợ chung: Vợ chồng anh C, chị Đ có vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Chi nhánh huyện Lý Sơn) số tiền gốc là: 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) nhưng anh C đã trả tiền gốc 20.000.000đ và lãi hàng tháng. Nay còn lại 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày 21/6/2019 là 153.425đ, lãi phát sinh đến khi trả nợ xong. Hai bên thỏa thuận anh C tự nguyện chịu trách nhiệm trả nợ vay cho Ngân hàng số tiền gốc 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng), tiền lãi tính đến ngày 21/6/2019 là 153.425đ

và lãi phát sinh cho đến khi trả nợ xong, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Chi nhánh Lý Sơn) đồng ý và đã rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với anh C, chị Đ. Đối với khoản vay của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam (Phòng giao dịch huyện Lý Sơn) số tiền là 12.000.000đ (mười hai triệu đồng), trong quá trình giải quyết vụ án chị Đ đã trả xong, Ngân hàng đã rút yêu cầu khởi kiện đối với khoản nợ trên.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; xác định đúng thẩm quyền, thời hiệu, quan hệ tranh chấp; thủ tục cấp, tống đạt và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật, riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình: Không tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng các Điều 14, 15. 16, khoản 2 Điều 53, Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình: Tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lê Văn C và chị Nguyễn Thị Đ. Về con chung: Có 03 con chung, Lê Thị Tuyết N, sinh ngày 22/8/2004; Lê Văn L, sinh ngày 04/6/2006 và Lê Thị Tuyết M, sinh ngày 11/11/2007 hiện các con đang ở cùng với anh C. Xét nguyện vọng của hai bên đương sự và các con chung đều có nguyện vọng được ở với anh C, nên đề nghị giao các cháu N, L, M cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nên không xét, Chị Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung: Nguyên đơn có đơn xin rút phần yêu cầu chia tài sản chung, căn cứ Điều 217, 218 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết phần chia tài sản chung.

Về nợ chung: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn rút đơn yêu cầu khởi kiện đối với các khoản nợ của vợ chồng anh C, chị Đ, căn cứ Điều 217, 218 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Lê Văn C có đơn yêu cầu ly hôn và giải quyết vấn đề về con chung đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Đ, trú tại: Thôn T, xã A, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam và Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam có yêu cầu độc lập buộc vợ chồng anh C, chị Đ phải trả nợ (đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản trong vụ án ly hôn). Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát khi kiểm sát việc tuân theo pháp luật đã nhận xét Tòa án tiến hành đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, các đương sự cũng không có bất cứ khiếu nại, ý kiến gì về thủ tục tố tụng của Tòa án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 và khoản 2 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Lý Sơn đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền và thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn C và chị Nguyễn Thị Đ tuy đã tự nguyện chung sống với nhau, đủ điều kiện kết hôn nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, việc này đã được cả nguyên đơn và bị đơn thừa nhận và có xác nhận của UBND xã An Vĩnh. Đồng thời, việc hòa giải đoàn tụ giữa các bên không thành, do đó, căn cứ vào Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; điểm c mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lê Văn C và chị Nguyễn Thị Đ.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống anh C và Đ có 3 con chung: Lê Thị Tuyết N, sinh ngày 22/8/2004; Lê Văn L, sinh ngày 04/6/2006 và Lê Thị Tuyết M, sinh ngày 11/11/2007 hiện các con đang ở với anh C. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 21/06/2019, anh C và chị Đ đã thỏa thuận được với nhau về việc giao các cháu N, L và M cho anh Lê Văn C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Đ không phải cấp dưỡng nuôi các con. Xét thấy, việc thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội và đó cũng là nguyện vọng của các con; anh C đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, giáo dục các con; Do đó, căn cứ vào Điều 69, Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án chấp nhận sự thỏa thuận của các bên, giao cháu N, L và M cho anh Lê Văn C chăm sóc, nuôi dưỡng và chị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con theo nội dung đã thỏa thuận. Bên cạnh đó, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của chị Đ, anh C và các thành viên trong gia đình của anh C

không được có hành vi cản trở việc chị Đ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các cháu N, L và M.

[4] Về tài sản chung: Trong đơn khởi kiện nguyên đơn anh Lê Văn C yêu cầu chia tài sản chung là một thửa số 277, tờ bản đồ số 9, diện tích 103,4m^2 và ngôi nhà trên đất ở thôn Tây, xã An Vĩnh, huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. Ngày 10/5/2019 Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm đinh tại chổ và thẩm định giá tài sản tài sản trên. Nhưng trong quá trình giải quyết các bên tự thỏa thuận với nhau là thống nhất giao lại tài sản trên cho anh C và các con ở, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó, ngày 29/5/2019 anh Chi có đơn xin rút phần yêu cầu chia tài sản chung. Tại phiên tòa anh C vẫn giữ nguyên ý kiến của mình, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ phần yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn. Hoàn trả lại tiền tạm án phí cho nguyên đơn.

[5] Về nợ chung: Qua hòa giải và tại phiên tòa anh C và chị Đ đều thống nhất anh, chị còn nợ Ngân hàng Ngông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Chi nhánh huyện Lý Sơn) số tiền gốc là: 80.000.000đ, tiền lãi tính đến ngày 21/6/2019 là 153.425đ và lãi phát sinh sau ngày 21/6/2019 cho đến khi trả hết nợ. Anh Lê Văn C chịu trách nhiệm và có nghĩa vụ trả số nợ trên cho Ngân hàng. Đại diện Ngân hàng đồng ý và thống nhất như thỏa thuận của anh C, chị Đ để anh C tiếp tục trả khoản nợ trên. Đến ngày 7/8/2019, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với anh C, chị Đ. Việc rút yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là tự nguyện, Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng vẫn giữ nguyên ý kiến, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam. Còn đối với khoản vay tại Ngân hàng CSXHViệt Nam số tiền 12.000.000đ, trong quá trình giải quyết chị Nguyễn Thị Đ đã trả xong cho Ngân hàng và Ngân hàng có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện ngày 07/7/2019, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng CSXH Việt Nam.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn anh Lê Văn C chịu án phí sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nhưng được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí mà anh

C đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0001057 ngày 18/03/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Sơn.

[7] Về tiền tạm ứng án phí: Căn cứ vào khoản 3 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 18 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

[7.1] Hoàn trả lại 5.000.000đ *(Năm triệu đồng)* tiền tạm ứng án phí về yêu cầu chia tài sản chung cho anh Lê Văn C theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0001058 ngày 18/03/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Sơn.

[7.2] Hoàn trả lại 2.029.*000đ (Hai triệu không trăm hai mươi chín ngàn đồng)* tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0001064 ngày 10/05/2019 của Chi cục Thi hành án huyện Lý Sơn.

[8] Các chi phí tố tụng khác:

[8.1] Chi phí xem xét thẩm định tại chổ: Anh C tự nguyện chịu và đã thanh toán xong.

[8.2] Chi phí thẩm định giá tài sản: Là 7.700.000đ *(Bảy tiệu bảy trăm ngàn đồng)*, anh C tạm ứng 1.000.000đ, còn lại 6.600.000đ chưa thanh toán cho Công ty TNHH Thẩm Định Giá Đất Việt tại Quảng Ngãi. Anh Lê Văn C tự nguyện chịu chi phí thẩm định giá tài sản, mặt khác theo quy tại khoản 6 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự khi nguyên đơn rút phần yêu cầu chia tài sản chung và Tòa án đình chỉ mà đã tiến hành thẩm định giá thì nguyên đơn phải chịu chi phí thẩm định giá tài sản. Do đó, anh C phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH Thẩm Định Giá Đất Việt tại Quảng Ngãi số tiền còn lại 6.600.000đ *(Sáu triệu sáu trăm ngàn đồng)*.

[9] Tuyên quyền kháng cáo cho những người tham gia tố tụng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 3 Điều 218; khoản 6 Điều 165; Điều 244; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 14, 15, 16, 53, 69; Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm c mục 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội;

Căn cứ khoản 3 Điều 18; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lê Văn C và chị Nguyễn Thị Đ.

2. Về con chung: Giao các con chung Lê Thị Tuyết N, sinh ngày 22/8/2004; Lê Văn L, sinh ngày 04/6/2006 và Lê Thị Tuyết M, sinh ngày 11/11/2007 cho anh Lê Văn C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nguyễn Thị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, Không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết phần yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn anh Lê Văn C.

4. Về nợ chung: Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam và Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Văn C phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí mà anh C đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0001057 ngày 18/03/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Sơn.

Hoàn trả lại 5.000.000đ *(Năm triệu đồng)* tiền tạm ứng án phí về phần yêu cầu chia tài sản chung cho anh Lê Văn C theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0001058 ngày 18/03/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Sơn.

Hoàn trả lại 2.029*.000đ (Hai triệu không trăm hai mươi chín ngàn đồng)* tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0001064 ngày 10/05/2019 của Chi cục Thi hành án huyện Lý Sơn.

6. Chi phí tố tụng khác: Anh Lê Văn C có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH Thẩm Định Giá Đất Việt tại Quảng Ngãi tiền chi phí thẩm định giá tài sản còn lại: 6.600.000đ *(Sáu triệu sáu trăm ngàn đồng)*.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND T. Quảng Ngãi;
- VKSND, CC. THADS H. Lý Sơn;
- UBND xã An Vĩnh
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Thu